

Họ và tên: Lê Hoàng Quân

Ngày, tháng, năm sinh: 15/08/1999

Giới tính: Nam

Nghề nghiệp: Học sinh

Dân tộc: Kinh

Đoàn viên: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Đơn vị học tập: Trường trung học phổ thông Long Thành

Nơi thường trú: Số 08, tổ 01, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, Đồng Nai

Số điện thoại: 0918868368

Email: lehoangquan1508@gmail.com

# ĐỒNG NAI QUÊ HƯƠNG TÔI

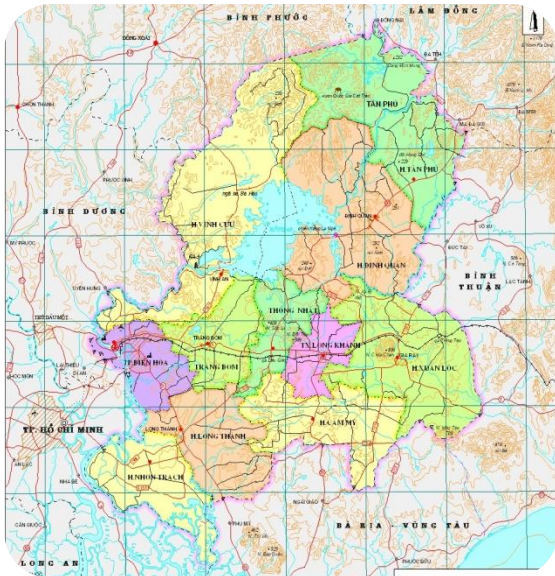
*Đồng Nai sông nước anh hùng.  
Nguồn xa, xa tận núi rừng hoang vu.  
Lệ tiên kết đọng hồ sâu  
Còn mơ cao rộng nhớ màu gió trắng*

*Xông pha vượt núi băng ngàn,  
Gặp Là Ngà nghĩa bạn vàng kết đôi  
Thề: "Dù thác trở núi đồi  
Cũng liều sống thác tìm trời tự do..."*

*Đôi lòng nặng chí giang hồ  
Ngàn thu say bước trở về biển xanh.*

*Đường xa lên thác xuống gành  
Ruộng đồng lưu luyến thị thành mến ưa.*

*Lệ đời tràn ngập hồn thơ  
Bao phen lũ hận bẻ bờ đau thương.  
Gió ngang, thuyền ngược trăm đường  
Đồng Nai hòa Thái Bình Dương dâng  
trào.*



**Câu 1:** *Hãy nêu tiểu sử nhân vật được chọn đặt tên đường tại địa phương phường, xã nơi bạn đang ở. Những hành động, đức tính nào của nhân vật bạn cần phải học tập làm theo.*

**Bài làm:**

Với chiến thắng 30/ 4/1975 lịch sử, Đồng Nai bước vào thời kì mới: Khắc phục hậu quả chiến tranh, cùng cả nước bắt tay xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng Nai vượt qua nhiều khó khăn thử thách, đạt được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế xã hội. Tại Đại hội VI của Đảng tháng 12/1986 đã vạch ra con đường đổi mới, chủ trương đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, xóa bỏ cơ chế hành chính, tập trung quan liêu, chuyển sang hạch toán kinh tế, xây dựng đất nước theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Để đáp ứng nhu cầu đó, Đồng Nai đã mở rộng cơ sở hạ tầng đường xá của tỉnh để phục vụ nhu cầu đi lại, giao thông vận tải, thương mại, dịch vụ... của nhân dân. Trong số các con đường ấy có một con đường gắn liền với một vĩ nhân của dân tộc, đã góp phần làm nên những trang sử hào

hùng của Cách mạng Việt Nam. Đó là con đường mang tên Bác. Con đường này đã được xây dựng từ lâu nhưng vào cách đây năm năm nó mới vinh dự được mang tên chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là cách tri ân của những người con Đồng Nai đối với Bác, để lớp lớp thế hệ mãi nhớ về một con người hi sinh cả cuộc đời vì nước vì dân.

*Bác đã lên đường theo tổ tiên                      mãi*  
*Mác - Lênin, thế giới Người hiền                      Vững như muôn ngọn dải Trường*  
*Ánh hào quang đỏ thêm sông núi                      Sơn*  
*Dắt chúng con cùng nhau tiến lên!*

(Bác ơi! – Tố Hữu)

*Nhớ đôi dép cũ nặng công ơn*  
*Yêu Bác, lòng ta trong sáng hơn*  
*Xin nguyện cùng Người vươn tới*



Hồ Chí Minh, tên thời niên thiếu là Nguyễn Sinh Cung, tên thật là Nguyễn Tất Thành, trong thời kỳ hoạt động cách mạng mang tên Nguyễn Ái Quốc (và còn nhiều bí danh khác), sinh ngày 19/5/1890 tại làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, là vùng đất “Địa linh sinh nhân kiệt”. Quê của Người là một làng nghèo khó, phần lớn dân chúng không có ruộng, phải làm thuê cấy rẽ, mặc quần áo rách, đóng khổ nhiều, đời sống người dân bần hàn, bởi thế nên làng này còn có tên là làng Đại Khố.

Sinh trưởng trong một gia đình nhà nho có nguồn gốc nông dân. Cha của Người là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (hay còn gọi là Nguyễn Sinh Huy; 1862 – 1929). Đối với con ông Sắc giáo dục ý thức lao động, học tập hiểu đạo lý làm người. Ông là người học rộng, hiểu nhiều, có tinh thần dân tộc. Càng học ông càng nhận ra “*Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ, hựu nô lệ*” (Quan trường là nô lệ trong những người nô lệ, lại càng nô lệ hơn). Do đó, ông luôn cảm thấy chán nản chốn cửa quyền trống giông cò mớ, nơi con người giẫm đạp lên nhau giành giật quyền lợi để vinh thân phì gia. Cho nên khi làm quan ông thường thể hiện tinh thần kháng khái, cứng cỏi, không chịu phục tùng, cầu cạnh bọn quan trên và bọn thực dân Pháp. Trái lại, ông bênh vực người nghèo, bảo vệ cuộc sống của những người nông dân nơi đây. Vì thế, sau một thời gian được làm thừa biện bộ Lễ, rồi chuyển sang Tri huyện Bình Khê (xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định), ông bị cách chức và thải hồi. Tại quê nhà, ông hành nghề bốc thuốc cho dân địa phương và sống cuộc đời nhàn nhã, thanh bạch cho đến lúc qua đời. Phần mộ của ông hiện nằm ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Mẹ của Người là bà Hoàng Thị Loan (1868-1901) quê ở làng Hoàng Trù (tên Nôm là làng Chùa). Đây cũng là nơi cậu bé Nguyễn Sinh Cung cất tiếng khóc chào đời vào buổi sáng ngày 19/05/1890, hương sen ngào ngạt khắp làng Hoàng Trù. Nơi đây còn được biết tới là cái nôi của văn hóa xứ Nghệ.

Thân mẫu của Người là hình ảnh tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam đôn hậu, cần mẫn, đảm đang. Bà sống bằng nghề dệt vải, hết lòng thương yêu, chăm lo cho chồng con. Sau khi sinh đứa con thứ tư là Nguyễn Sinh Thuận (năm 1900), cùng với nỗi vất vả, khó nhọc từ trước bà lâm trọng bệnh rồi qua đời vào ngày 10 tháng 2 năm 1901. Linh cữu của bà được an táng tại vườn nhà mình ở làng Sen. Năm 1985, nhân dân và chính quyền địa phương nơi đây đã xây dựng một khu lăng mộ để tưởng nhớ đến bà.



*(Song thân của Hồ Chủ tịch)*

Chị cả của Người là bà Nguyễn Thị Thanh (còn có tên là Nguyễn Thị Bạch Liên; 1884 – 1954) tham gia sôi nổi phong trào cách mạng những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, đặc biệt là dưới ngọn cờ của chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu. Năm 1918, bà bị địch bắt và cực hình dã man ở nhà lao Quảng Ngãi. Nhờ có sự giúp đỡ của tham tri bộ hình Phạm Bá Phổ bà được thả ra.

Năm 1954, bà mất ở tại quê nhà Nghệ An.



Nguyễn Sinh Khiêm (1888 – 1950), tên gọi là Cả Khiêm, tự là Tấn Đạt, là con thứ hai của cụ Sắc và là anh trai của Nguyễn Sinh Cung. Thời niên thiếu, ông có tinh thần cách mạng mãnh liệt, tích cực tham gia các phong trào yêu nước chống giặc, vì thế từng bị thực dân Pháp tù đày nhiều năm. Đầu năm 1946, ông cùng hai người thân ra thăm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Hà Nội. Sau chuyến thăm ông trở lại quê nhà và mất tại đó năm 1950, hưởng dương 62 tuổi.



Em út của Người là Nguyễn Sinh Nhuận sinh năm 1900, tên vừa lọt lòng là Xin. Sau khi mẹ là bà Hoàng Thị Loan lâm bệnh nặng và mất. Xin

được gọi về quê ngoại để chăm sóc, nhưng vì sức khỏe yếu nên cũng qua đời không lâu sau đó.

Các anh chị đều lớn lên chịu ảnh hưởng của ông bà, cha mẹ nên có tinh thần dân tộc cao, chăm chỉ làm lụng, biết thương người, hăng hái tham gia các phong trào giải phóng dân tộc, nhưng đều bị thực dân Pháp và bọn phong kiến bù nhìn bắt bớ, tra tấn nhưng không chùn bước.

Năm 1895, lần đầu tiên Nguyễn Sinh Cung cùng cha mẹ và anh trai vào Huế. Sau khi mẹ mất (năm 1901), Người về quê ngoại sống một thời gian ngắn rồi theo cha về quê nội. Từ đó, Người lấy tên là Nguyễn Tất Thành. Tại đây, Người được cho học chữ Hán từ các thầy Hoàng Phan Quỳnh, Vương Thúc Quý và thầy Trần Thân. Các thầy đều là các sĩ phu có tinh thần yêu nước, căm thù giặc sâu sắc. Nghe những câu chuyện và bài học từ các thầy, chàng trai Nguyễn Tất Thành thấu hiểu được cuộc sống cơ hàn của người nông dân dưới sự áp bức của chế độ phong kiến hà khắc và sự bóc lột tàn nhẫn của bọn thực dân Pháp, đã bóc lột sự sống của người dân nơi đây. Mặc khác, Phan Bội Châu là một người bạn của cụ Phó. Thường xuyên tiếp xúc, và cũng như bao nhiêu người, ông có niềm day dứt trước tình hình đất nước và vận mệnh nhân dân, nên ít nhiều điều đó cũng có tác động đến Người.

*Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế,*

*Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si*

*Nguyễn trọc trường phong Đông hải khứ,*

*Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi.*

(Xuất dương lâu biệt – Phan Bội Châu)

Cuối tháng 5/1906, hai anh em Nguyễn Tất Thành theo cha vào kinh đô nhận chức. Tại Huế, Người cùng anh Tấn Đạt được theo học trường Pháp



- Việt. Vốn thông minh, hiểu nhanh, ông là một trong mười học trò giỏi nhất của trường Pháp - Việt Đông Ba được thi vượt cấp vào hệ Thành chung trường Quốc Học. Ở đây, đã xảy ra sự kiện đánh dấu bước mở đầu con đường cánh mạng của Hồ Chí Minh. Tháng 4/1908, Người tham gia cuộc biểu tình chống thuế của nhân dân Thừa - Thiên. Vì những hoạt động yêu nước, tham gia đấu tranh của nhân dân, Người bị thực giám sát chặt chẽ, Nguyễn Sinh Huy cũng bị khiển trách vì hành vi bài Pháp của con mình. Tháng 6/1909, Nguyễn Tất Thành rời trường Quốc học Huế theo cha về Bình Định. Người thường được dẫn đi thăm các sĩ phu, văn thân yêu nước, đi thăm di tích Lam Sơn. Năm 1909, Người được cha gửi đến trường Việt - Pháp ở Quy Nhơn để học lớp nhất cours supérieur (tương đương trường Cao đẳng ngày nay). Tháng 6/1910, Người hoàn thành chương trình học. Sau khi nghe tin cha bị cách chức, bị triệu tập về kinh thành, Người không theo cha về Huế mà vào Nam tìm hướng đi mới. Trên đường vào Sài Gòn, Người dừng chân ở Phan Thiết và dạy học ở trường tư thục Dục Thanh. Tháng 2/1911, chàng trai yêu nước Nguyễn Tất Thành đến Sài Gòn. Người hay tìm đến cảng Sài Gòn, đến các tiệm giặt ủi đồ thủy thủ của Pháp để hi vọng tìm kiếm một công việc trên tàu và bắt đầu một chuyến đi xa.

Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành sinh ra trong một gia đình nhà nho có truyền thống yêu nước căm thù giặc sâu sắc, có ý chí, khát khao độc lập. Ngoài ra, quê hương Nghệ An là vùng đất của những vị anh hùng từ Quang Trung - Nguyễn Huệ, Phan Bội Châu... ai cũng day dứt trước tình hình đất nước. Sinh ra trong thời nước mất nhà tan, đời sống nhân dân bị bần cùng hóa, đói khổ, bệnh tật, mâu thuẫn trong nhân dân và mâu thuẫn dân tộc ngày càng trầm trọng nên ông thấu hiểu được nguyện vọng hòa bình của nhân dân. Suốt mười năm sống ở kinh thành Huế, được trao dồi về những tư tưởng mới, tiến bộ, đặc biệt là phong trào Duy Tân. Nhìn lại các phong trào yêu nước đi trước như phong trào Cần Vương, phong trào Đông

Du, cuộc khởi nghĩa của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh... thể hiện tinh thần đấu tranh bền bỉ của nhân dân tuy nhiên đều gặp thất bại. Trong giai đoạn này hầu như bế tắc trong đường lối tổ chức lãnh đạo, cần có con đường cứu nước đúng đắn và phù hợp. Chính những lí do đó đã tác động đến quyết định táo bạo mà chính xác, cần thiết cho cuộc cách mạng Việt Nam - xuất dương tìm đường cứu nước ngày 5 tháng 6 năm 1911.

*Hiếu sao hết "Người đi tìm hình của Nước"  
Không phải hình một bài thơ đá tạc nên người  
Một góc quê hương nửa đời quen thuộc  
Hay một đấng vô hình sương khói xa xôi*

*Mà hình đất nước hoặc còn hoặc mất  
Sắc vàng nghìn xưa, sắc đỏ tương lai  
Thế đi đứng của toàn dân tộc  
Một cách vinh hoa cho hai mươi lăm triệu con người.*

(Người đi tìm hình của nước - Chế Lan Viên)

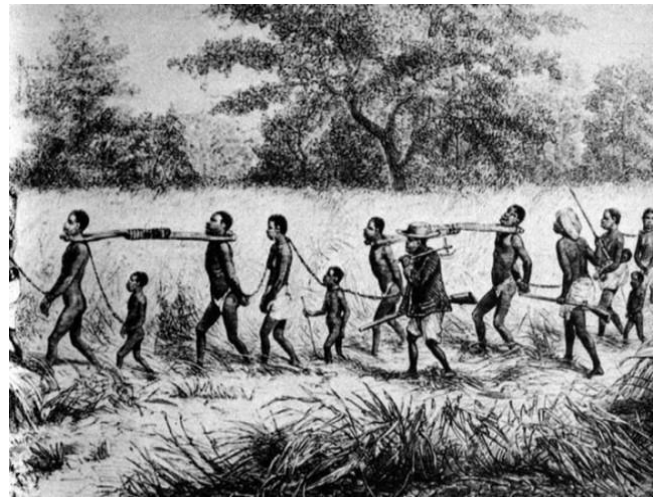


*(Mô hình chiếc tàu Đô đốc Latouche Tréville, được trưng bày tại bến Nhà Rồng)*

Ngày 5/6/1911, từ Bến Nhà Rồng, Người lấy tên Văn Ba, lên đường sang Pháp với nghề phụ bếp trên chiếc tàu buôn Đô đốc Latouche-Tréville. Về mục đích ra đi của mình, năm 1923 Người trả lời với báo Nga: *“Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp tự do, bình đẳng, bác ái. Tôi rất muốn làm quen với nền văn minh của Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn dấu đằng sau những chữ ấy”*. Theo con tàu ấy, anh chàng Nguyễn Ái Quốc cập bến đến bến cảng Mácxay của Pháp. Tại đây, anh thấy những số phận con người nghèo khổ như ở Việt Nam. Nhưng ở đây cũng có những người yêu chuộng hòa bình và phản đối chiến tranh ở Đông Dương.

chung của nhân dân các nước  
thuộc địa.

Không dừng lại ở đó, anh lên đường đi đến những châu lục khác và nhìn thấy muôn mặt cuộc sống ở những nơi đây. Đến châu Phi, ở đâu anh cũng thấy cảnh lao động khổ sai dưới áp bức, bóc lột tàn nhẫn của bọn thực dân thống trị. Thiếu ăn, thiếu mặc, dịch bệnh, các tệ nạn xảy ra khủng khiếp. Họ là nạn nhân của sự hung ác, vô nhân đạo của bọn thực dân phương Tây. Những sự việc ấy xảy ra khắp chặng đường anh đi qua, tạo nên mối đồng cảm sâu sắc với số phận



*(Nạn buôn bán người ở châu Phi)*



Năm 1912, Nguyễn Ái Quốc đến nước Mỹ. Tại đây, anh vừa làm, vừa được tiếp xúc với những người lao động. Đồng thời có dịp tìm hiểu về cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Mỹ với bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 nổi tiếng trong lịch sử. Đây là thành tựu lớn nhất của tư tưởng nhân loại, là lí tưởng theo đuổi hết sức cao đẹp của nhiều dân tộc. Ngoài ra, anh còn đến khu nhà ổ chuột ở Háclem để tìm hiểu đời sống và cuộc đấu tranh chống nạn phân biệt chủng tộc của người da đen. Nguyễn Ái Quốc sớm nhận ra bộ mặt ghê rợn của bọn đế quốc Mỹ,

đằng sau khẩu hiệu *bình đẳng, tự do*. Sự bóc lột dã man đối với người dân lao động vẫn diễn ra. Hơn hết, anh cảm thông sâu sắc đến số phận của những người da đen bị rẻ rúng, chà đạp và hành hình ghê rợn *kiểu Linsơ*.



(Cuộc biểu tình của công nhân dệt ở New York)

Đầu năm 1913, Nguyễn Ái Quốc rời Mỹ đến nước Anh. Người làm đủ mọi nghề để kiếm sống. Tại Anh, người hăng hái tham gia những cuộc diễn thuyết của nhiều nhà chính trị, tiết học, tham gia Hội những người lao động hải ngoại, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Airolen. Cũng trong thời gian này, anh đọc báo Anh đưa tin về ông Terence Mac Swiney, nhà đại ái quốc của Airolen đấu tranh chống đế quốc, bị bắt và hi sinh trong tù. Nguyễn Ái Quốc rất cảm động và thán phục trước tinh thần bất khuất của ông: *“Can đảm biết bao! Dũng cảm biết bao! Một dân tộc có những người như ông sẽ không bao giờ đầu hàng”*.

Cuối năm 1917, giữa lúc cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất đang diễn ra ác liệt, tình hình Đông Dương có nhiều biến đổi, Nguyễn Ái Quốc trở lại Pháp. Người hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, gia nhập Đảng Xã hội Pháp là một chính Đảng tiến bộ nhất nước Pháp lúc bấy giờ, đồng thời Người tham gia và lãnh đạo Hội Việt kiều yêu nước. Ngày 18/6/1919, với tên gọi Nguyễn Ái Quốc, Người gửi tới Hội nghị Vécxai bản yêu sách của nhân dân An Nam đòi quyền lợi cho dân tộc Việt Nam gồm 8 điểm. Tuy nhiên, bản yêu sách không được chấp nhận nhưng sự kiện đó đã làm thức tỉnh nhân dân, vạch trần luận điệu xảo trá, tuyên truyền lừa bịp của các nước đế quốc. Người kết luận: *Các dân tộc muốn được giải phóng phải dựa vào sức mình là chính*.

Nội dung bản Yêu sách của Người gồm các điều:

- 1. Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị;*
- 2. Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những đảm bảo về mặt pháp luật như người Âu châu; xoá*

*bỏ hoàn toàn các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam;*

*3. Tự do báo chí và tự do ngôn luận;*

*4. Tự do lập hội và hội họp;*

*5. Tự do cư trú ở nước ngoài và tự do xuất dương;*

*6. Tự do học tập, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ;*

*7. Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật;*

*8. Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ.*

Mùa hè năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin. Luận cương Lênin đến với Nguyễn Ái Quốc như một luồng gió mới đầy lạc quan tin tưởng, từ đó Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam, đó là con đường cách mạng vô sản. Thật vậy, sống trên mảnh đất màu mỡ của các phong trào yêu nước của dân tộc mình, chủ nghĩa Mác – Lênin chính là hạt giống tốt để tạo điều kiện cho phong trào công nhân, phong trào yêu nước ngày càng phát triển.. Chính vì thế, nét độc đáo mà Người đã làm được trong quá trình tìm đường cứu nước đó là lựa chọn, xác định cho dân tộc con đường cứu nước đúng đắn và sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn của đất nước.

Sau khi tiếp thu Sơ thảo lần thứ nhất những *Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã hướng các hoạt động cụ thể của mình vào mục tiêu lên án chủ nghĩa thực dân. Với nhiều bài viết, bằng thể loại khác nhau đăng trên các báo Nhân đạo (L'Humanité), Đời sống công nhân (La Vie Ouvrière), tạp chí Cộng sản (La Revue Communiste), v.v., Nguyễn Ái Quốc tập trung tố cáo:

- Nền khai hoá giết người, tố cáo sự phung phí tiền của, sự bóc lột nhân dân thuộc địa của bọn thực dân, đặc biệt là bộ mặt gian ác của những viên quan thực dân tiêu biểu như A. Xarô (Bộ trưởng Bộ Thuộc địa), Bôđoanh (con rể A. Xarô), M. Lông, Utorây... những viên quan cai trị khét tiếng tàn ác.

- Kêu gọi các đảng cộng sản ở chính quốc phải giúp đỡ các phong trào đấu tranh giải phóng ở các thuộc địa, bởi theo Người thì: “trong các thuộc địa, công nhân đã bắt đầu hiểu thế nào là đấu tranh giai cấp”, song thực tế “tình trạng thờ ơ của giai cấp vô sản chính quốc đối với các thuộc địa” vẫn tồn tại. Vì vậy, công nhân ở các nước chính quốc cần phải giúp đỡ một cách tích cực nhất phong trào giải phóng của các nước phụ thuộc, theo đúng những lời dạy của Lênin.

- Phân tích những điều kiện và chỉ rõ chủ nghĩa cộng sản có thể thực hiện được ở châu Á, đặc biệt là cách mạng thuộc địa có thể giành thắng lợi trước, không hoàn toàn phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc. Từ đó, nhân dân thuộc địa có thể đóng góp sức mình, giúp đỡ những người anh em phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn.

Tại Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp (tháng 12/1920), Nguyễn Ái Quốc đã cùng với đa số bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba của Lênin và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản

Việt Nam đầu tiên. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt trong quá trình hoạt động cách mạng của Người từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lênin và đi theo con đường cách mạng vô sản.

Sau nhiều lần gặp gỡ trao đổi, cuộc họp ngày 26/6/1921 của các chiến sĩ chống chủ nghĩa thực dân Pháp ở nhiều nước đang sống ở Pari đã bàn việc thành lập *Hội Liên hiệp các thuộc địa*, xây dựng điều lệ và cử Ban chấp hành. Ngày 20/7/1921, Ban chấp hành hội đã thông qua văn bản và nộp điều lệ hội cho nhà chức trách. Cuộc họp ngày 28/5/1922 thông qua Tuyên ngôn của hội do Nguyễn Ái Quốc biên soạn và nhấn mạnh:

*“Chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em. Hội Liên hiệp thuộc địa thành lập chính là để giúp đỡ anh em trong công cuộc ấy... Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!”.*

Hội Liên hiệp thuộc địa xuất bản báo *Người cùng khổ* (Le Paria) làm cơ quan ngôn luận. Nguyễn Ái Quốc được phân công làm chủ nhiệm, kiêm chủ bút của tờ báo. Le Paria số 1, ngày 11/4/1922, đăng lời kêu gọi, nêu rõ tôn chỉ, mục đích và nhấn mạnh:

*“Le Paria đã sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu, mục đích của báo chắc chắn sẽ đạt được: Đó là giải phóng loài người”.*

Từ khi ra đời đến khi đình bản, báo *Người cùng khổ* ra được 38 số, trong những điều kiện hết sức khó khăn về tài chính và phương tiện hoạt động, lại luôn bị cảnh sát theo dõi, đe dọa, gây khó dễ. Nguyễn Ái Quốc là một trong những người lãnh đạo chủ chốt của báo, *Người* làm chủ nhiệm, chủ bút, giữ quỹ và kiêm cả việc phát hành, bán báo. Làm việc không mệt mỏi, Nguyễn Ái Quốc đóng góp cho sự tồn tại và phát triển của báo bằng



cách viết nhiều bài cho báo, thậm chí còn dành cả phần tài chính eo hẹp của mình cho báo.

Nguyễn Ái Quốc phụ trách tờ báo từ số 1 đến số 15 (tháng 6/1923). Trước khi rời Pháp đi Liên Xô, Người viết bài để lại cho các số sau. Trong thời gian này, Người viết 30 bài. Những bức tranh, ký họa của Người đăng trên báo ký tên Nguyễn Ái Quốc và một số bút danh khác. Nội dung các bài viết này tập trung vạch trần tội ác của chủ nghĩa thực dân trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội đối với nhân dân Việt Nam, nhân dân Đông Dương và các thuộc địa khác. Từ đó, giúp người đọc nhận thức rõ hơn về sự tàn bạo của chủ nghĩa thực dân nói chung và thực dân Pháp nói riêng; về mâu thuẫn không thể điều hoà giữa chủ nghĩa thực dân với nhân dân lao động tại các thuộc địa; về mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và chính quốc. Cũng từ những bài báo đó, Nguyễn Ái Quốc đã góp phần truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào phong trào công nhân ở các thuộc địa, thức tỉnh phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Đồng thời, thông qua nội dung các bài báo, Người bước đầu chỉ ra yêu cầu cần thiết của việc thực hiện đoàn kết giai cấp và đoàn kết quốc tế, giữa nhân dân các thuộc địa, giữa thuộc địa với chính quốc và coi đó là những điều kiện bảo đảm cho cuộc đấu tranh đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp thông qua những đóng góp của Người tại Đại hội I và II của Đảng Cộng sản Pháp, tại Hội Liên hiệp thuộc địa cùng với việc xuất bản báo Người cùng khổ được Đảng Cộng sản Pháp đánh giá cao. Uy tín và vai trò của người cộng sản Đông Dương đã được Quốc tế Cộng sản biết đến và Người được Đảng Cộng sản pháp cử đi Mátxcova (Liên Xô) dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản.

Ngày 13/6/1923, từ ga Đuy No (Du Nord), Nguyễn Ái Quốc rời Pari bằng tàu hoả đến Béclin (Đức). Từ Hămbuốc (Đức), Người đi tàu thuỷ đến Pêtorôgrát (Liên Xô), quê hương của Cách mạng Tháng Mười (30/6/1923). Ít ngày sau, Người đi xe lửa về Mátxcova, bắt đầu một thời kỳ hoạt động, học tập và nghiên cứu về chủ nghĩa Mác – Lênin, về chế độ xã hội chủ nghĩa ngay trên đất nước của Lênin vĩ đại.

Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô, khi Liên Xô đang thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Liên Xô. Được ít ngày, tháng 7/1923, Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, nêu lại ý nghĩa và tác dụng của Nghị quyết Đại hội II Quốc tế Cộng sản về vấn đề thuộc địa, đồng thời lưu ý Đảng Cộng sản Pháp vẫn chưa coi trọng vấn đề thuộc địa trong các chương trình hành động của mình. Theo Người, những người dân thuộc địa:

*“Những người bị áp bức khổ khổ thấy chúng ta chỉ luôn luôn hứa hẹn nhưng cũng luôn luôn không hành động gì thì bắt đầu tự hỏi rằng không biết thực ra chúng ta là những người đứng đắn hay là những kẻ lừa phỉnh”.*

Cũng trong bức thư này, Người đề xuất với Đảng 8 nhiệm vụ cụ thể cần được triển khai ngay, nhằm thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội II Quốc tế Cộng sản về vấn đề thuộc địa.

Tháng 6/1923, theo sáng kiến và đề nghị của đồng chí Đôm Ban (Thomas Dombal), Quốc tế Cộng sản đã ủng hộ việc thành lập một tổ chức nông dân quốc tế, nhằm thực hiện liên minh công – nông trên phạm vi toàn thế giới. Tháng 10/1923, Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân được triệu tập, gồm 158 đại biểu, trong đó có 122 đại biểu chính thức, đại diện

cho nông dân của 40 nước trên thế giới. Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự hội nghị với tư cách là đại biểu chính thức của nông dân Đông Dương.

Tại phiên họp đầu tiên, hội nghị đã bầu Nguyễn Ái Quốc vào Đoàn Chủ tịch, gồm 11 người. Nguyễn Ái Quốc là đại biểu duy nhất của nông dân thuộc địa. Được mời phát biểu, Người nói:

*“Quốc tế của các đồng chí chỉ trở thành một quốc tế thật sự khi mà không những nông dân phương Tây, mà cả nông dân ở phương Đông, nhất là nông dân ở các thuộc địa là những người bị bóc lột và bị áp bức nhiều hơn các đồng chí, đều tham gia quốc tế của các đồng chí”.*

Hội nghị bầu ra Hội đồng Quốc tế Nông dân gồm 52 uỷ viên, thông qua các văn kiện và kết thúc vào ngày 16/10/1923.

Thời gian ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc viết nhiều bài cho tạp chí Krestianski International (Quốc tế Nông dân), đề cập đến các vấn đề của nông dân Việt Nam, Trung Quốc và Bắc Phi, tố cáo chế độ áp bức, bóc lột dã man của bọn thực dân, đế quốc, chỉ rõ phương hướng đấu tranh cho những người nông dân thuộc địa và nửa thuộc địa. Trong khi nêu vấn đề xoá bỏ tình trạng khổ cực của những người nông dân, Nguyễn Ái Quốc cũng đồng thời chỉ rõ nguồn sức mạnh và hướng những người nông dân vào cuộc đấu tranh đó, với khẩu hiệu: *“Tất cả ruộng đất về tay nông dân”*. Sau khi rời Liên Xô, Người được giao nhiệm vụ phụ trách phong trào nông dân các nước châu Á với tư cách uỷ viên Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân.

Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản, nhưng do Lenin ốm nặng, nên đại hội hoãn họp. Vì vậy, Người tham gia lớp học ngắn hạn của Trường đại học Phương Đông. Ngày 2/4/1924, Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự lễ kỷ niệm lần thứ ba ngày thành lập trường.

Trong thời gian học tập ở trường, Nguyễn Ái Quốc đã trao đổi với những thanh niên Trung Quốc, tập hợp tư liệu do họ cung cấp và chủ biên cuốn sách: Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc, bằng tiếng Pháp (được Petrôva Sua dịch ra tiếng Nga, Nxb. Nôvaia Mátxcova xuất bản năm 1925).

Thời gian này, Nguyễn Ái Quốc gặp và trả lời phỏng vấn nhà thơ Ôxíp Mandenxtam và Người đã để lại một ấn tượng sâu sắc trong lòng nhà thơ:

*“Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai... Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới”.*

Cảm nhận của nhà thơ, nhà báo đã góp phần làm cho dư luận và bạn bè quốc tế chú ý hơn đến người chiến sĩ cộng sản Nguyễn Ái Quốc của Đông Dương thuộc địa.

Ngày 21/1/1924, Lênin qua đời. Vô cùng thương tiếc Lênin, ngày 23/1/1924, Nguyễn Ái Quốc đã có mặt trong dòng người vào vĩnh biệt Lênin. Sau đó, Người viết bài: *Lênin và các dân tộc thuộc địa*, đăng báo *Sự thật* (Pravda), ngày 27-1-1924, và khẳng định: *“Lênin bất diệt sẽ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta”*. Đây là lời thề của người chiến sĩ cộng sản Nguyễn Ái Quốc, Người sẽ phấn đấu hiện thực hoá tư tưởng của Lênin vĩ đại ở các thuộc địa. Người sẽ gắn bó cuộc cách mạng giải phóng dân tộc với con đường đi tới cuộc cách mạng xã hội xã hội chủ nghĩa sau đó.

Nửa năm sau ngày Lênin mất, Nguyễn Ái Quốc viết bài *Lênin và các dân tộc phương Đông*, đăng báo *Le Paria* (số 27, tháng 7/1924), Người khẳng định:

*“Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi”.*

Học xong lớp ngắn hạn tại Đại học Phương Đông, trong khi chờ đợi Đại hội V Quốc tế Cộng sản khai mạc và chờ lên đường về châu Á, Nguyễn Ái Quốc được nhận vào làm cán bộ của Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản (theo giấy xác nhận do Pêtorốp ký ngày 14/4/1924).

Nhân ngày Quốc tế lao động 1/5/1924, Nguyễn Ái Quốc được mời đến Hồng trường nói chuyện với những người đi biểu tình và được Tư lệnh thành phố Mátxcova cấp giấy phép tự do đi lại trên Hồng trường trong ngày Quốc tế của những người lao động. Những hoạt động tích cực của Người trên đất nước Xô viết, sự có mặt của Người trong những nghi lễ quan trọng cho thấy vai trò và uy tín của Nguyễn Ái Quốc ngày càng được khẳng định ở trung tâm phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản họp từ ngày 17/6 đến 8/7/1924 tại Mátxcova (với 504 đại biểu thay mặt cho 46 Đảng Cộng sản, 4 đảng không Cộng sản và 10 tổ chức quốc tế) để tổng kết tình hình, rút ra những bài học kinh nghiệm của các cuộc đấu tranh giai cấp trong những năm 1918 – 1923, đồng thời nêu lên ý nghĩa, tầm quan trọng của việc Bôn-sê-vích hoá các Đảng Cộng sản. Tại đại hội, vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa mà Nguyễn Ái Quốc đặc biệt lưu tâm là điểm thứ 5 của chương trình nghị sự.

Sau đó, tại phiên họp thứ 8, ngày 23/6/1924, Nguyễn Ái Quốc được mời phát biểu ý kiến. Thẳng thắn phê bình một số Đảng Cộng sản đã coi nhẹ vấn đề thuộc địa, Người nói:

*“Tôi đến đây để không ngừng lưu ý Quốc tế Cộng sản đến một sự thật là: Thuộc địa vẫn đang tồn tại, và vạch ra để Quốc tế Cộng sản thấy rằng: Cách mạng, ngoài vấn đề tương lai của các thuộc địa còn có cả nguy cơ của các thuộc địa; vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa... Thế mà các đồng chí khi nói về cách mạng, các đồng chí lại khinh thường thuộc địa”.*

Tiếp tục chương trình nghị sự, được phát biểu về vấn đề dân tộc và thuộc địa, tại phiên họp thứ 22 của đại hội, ngày 1/7/1924, Nguyễn Ái Quốc khẳng định tầm quan trọng và vị trí của cách mạng thuộc địa:

*“Cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch”.*

Tại phiên họp thứ 25, ngày 3/7/1924, Nguyễn Ái Quốc phát biểu về vấn đề ruộng đất và nông dân ở các thuộc địa của Pháp. Nói về sự thất bại của nông dân bản xứ, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh:

*“Họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng”.*

Với danh nghĩa đại biểu Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự Đại hội lần thứ III Quốc tế Công hội đỏ, họp từ ngày 7 đến ngày

22/7/1924. Trong bài tham luận tại đại hội, Nguyễn Ái Quốc trình bày những vấn đề liên quan đến giai cấp vô sản ở Đông Dương, khẳng định giai cấp vô sản Đông Dương chưa có một tổ chức công nhân nào cả. Từ thực tế đó, Người đề nghị:

*“Các tổ chức công nhân cách mạng Pháp phải tích cực giúp đỡ chúng tôi trong cuộc đấu tranh giải phóng của chúng tôi” .*

Sau đó, Người được mời và tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản Thanh niên và Hội nghị của Tổ chức Quốc tế Cứu tế đỏ (MOPR).

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại các đại hội trên đã giúp cho giai cấp công nhân thế giới và nhân dân Xô viết hiểu rõ hơn về tình cảnh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam nói riêng và nhân dân Đông Dương nói chung, đồng thời, đặt nền móng cho sự liên minh, tình đoàn kết vô sản quốc tế giữa nhân dân Việt Nam và những người lao động thế giới.

Trong thời gian ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc đã tranh thủ viết bài cho các báo Nhân đạo (L'Humanité), Đời sống công nhân (La Vie Ouvrière), Sự thật (Pravda), Người cùng khổ (Le Paria), Thư tín quốc tế (Inprekor), Tạp chí Cộng sản... Các bài báo tập trung nói về các vấn đề liên quan đến giai cấp công nhân, đến cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở các thuộc địa, đồng thời chỉ ra mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng thuộc địa:

*“Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ*

*cắt một vòi thôi, thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra”.*

Vì thế, muốn thủ tiêu tận gốc chủ nghĩa tư bản, phải xây dựng tình đoàn kết giữa giai cấp vô sản chính quốc với giai cấp vô sản, đặc biệt là đội tiên phong của nó ở thuộc địa, đoàn kết giữa các dân tộc thuộc địa thành một mặt trận thống nhất chống chủ nghĩa đế quốc.

Thông qua các bài viết, Nguyễn Ái Quốc đã cụ thể hoá và vận dụng sáng tạo những luận điểm của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Không dừng lại ở đó, trong khi chỉ ra vị trí và sức mạnh của nhân dân thuộc địa trong cuộc đấu tranh giải phóng, trong khi nhấn mạnh rằng: *Muốn đánh vào sào huyệt của chủ nghĩa thực dân thì phải tước hết thuộc địa của chúng*, Nguyễn Ái Quốc cũng đồng thời chỉ ra tính chủ động cách mạng của nhân dân thuộc địa. Cùng với những hoạt động lý luận và thực tiễn của mình, Người đã đấu tranh kiên quyết để góp phần hiện thực hoá khẩu hiệu nổi tiếng của Lênin: *Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!*

Từ những bài báo viết trong những năm 1921 – 1924 này, Người bổ sung, sửa chữa thành cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Cuối năm 1924, bản thảo được gửi từ Mátxcova đến Pari cho Hội Liên hiệp thuộc địa và Ban biên tập báo Le Paria. Cuốn sách gồm 12 chương và phần phụ lục, đề cập ba nội dung lớn: Tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp; Sự thức tỉnh các dân tộc thuộc địa; Phương hướng đấu tranh, giải phóng các thuộc địa theo đường lối của Quốc tế Cộng sản. Bài viết: Gửi thanh niên Việt Nam để ở phần phụ lục của cuốn sách, đó là những lời tâm huyết của Người với thế hệ thanh niên trước vận mệnh của đất nước. Từ việc đánh giá đúng vị trí, vai trò của thanh niên trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, Người kêu gọi:



*“Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám Thanh niên già cõi của Người không sớm hồi sinh”.*

Bằng sự nhạy bén về chính trị, phân tích tình hình thế giới, dự báo cục diện của phương Đông và phương Tây, thông qua các bài viết, Nguyễn Ái Quốc kêu gọi giai cấp vô sản quốc tế hãy cảnh giác với *“lò lửa của chiến tranh thế giới mới”*:

*“Thái Bình Dương và các nước thuộc địa xung quanh Thái Bình Dương, tương lai có thể trở thành một lò lửa của chiến tranh thế giới mới mà giai cấp vô sản sẽ phải nai lưng ra gánh”.*

Đồng thời, Nguyễn Ái Quốc tuyên truyền về thành tích của nước Nga Xô viết, về sự giúp đỡ của nước Nga với các dân tộc thuộc địa, góp phần chống lại sự xuyên tạc của báo chí tư sản đối với cách mạng Nga, với đất nước Nga Xô viết, bởi theo Người:

*“Nếu nước Nga chưa phải là một thiên đường cho tất cả mọi người, thì nước Nga đã là một thiên đường của trẻ con”.*

Sống và hoạt động ở Mátxcova, trung tâm của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, điều mà Nguyễn Ái Quốc nhận thấy rõ nhất, đó là Quốc tế Cộng sản và các Đảng ở châu Âu hiểu biết rất ít về tình hình ở các thuộc địa. Đặc biệt, Người nhận thức rõ rằng, không thể áp dụng một cách máy móc, rập khuôn những nguyên lý về đấu tranh giai cấp của học thuyết Mác vào điều kiện cụ thể của các thuộc địa. Vì vậy, Người xác định sẽ tận dụng mọi cơ hội để có thể giúp những người cộng sản ở phương Tây hiểu rõ hơn về thuộc địa.

Thông qua các nội dung và những phân tích một cách khoa học đặc điểm của các nước phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng, bài viết Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ (năm 1924) của Nguyễn Ái Quốc đã tập trung nêu rõ: Tính chất cuộc đấu tranh giai cấp ở phương Đông không diễn ra quyết liệt như ở phương Tây; đề cao chủ nghĩa yêu nước, coi chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước; sự cần thiết phải vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển học thuyết Mác cho phù hợp với điều kiện của từng quốc gia, đặc biệt là phương Đông. Theo Nguyễn Ái Quốc:

*“Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại, vì vậy phải xem xét lại cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông”.*

Những luận điểm và kiến nghị trong báo cáo của Người với Quốc tế Cộng sản, về tình hình, đặc điểm của Việt Nam, thể hiện sự sâu sát thực tế và việc vận dụng những nguyên lý cơ bản của học thuyết Mác – Lênin vào thực tiễn Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc, có ý nghĩa như một phương hướng chung, có tính chất như một cương lĩnh hành động của cách mạng Việt Nam.

Trong điều kiện lịch sử khi đó, những ý kiến trong Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ thể hiện một tư duy sắc sảo, một thái độ dũng cảm của Nguyễn Ái Quốc trong việc khẳng định: Thực tiễn là tiêu chuẩn, là sự kiểm nghiệm của chân lý. Mặt khác, báo cáo cũng thể hiện sự nắm vững linh hồn, phương pháp của học thuyết Mác và sự vận dụng sáng tạo của Người trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Với hơn một năm sống, học tập và làm việc trên đất nước Xô viết, dù thời gian không dài, song những nghiên cứu về lý luận, những hoạt động

thực tiễn đã giúp Nguyễn Ái Quốc có điều kiện trang bị cho mình vốn kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin một cách hệ thống. Đồng thời, Người có điều kiện khảo nghiệm, chứng kiến những thành tựu của Nhà nước và nhân dân Xô viết. Những hoạt động sôi nổi của Nguyễn Ái Quốc, đã đánh thép tố cáo tội ác thực dân, nhận thức và luận giải một cách khoa học những vấn đề về thuộc địa, vai trò cách mạng thuộc địa trong mối quan hệ khăng khít với sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản thế giới.

Không chỉ nắm vững những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác – Lênin, Nguyễn Ái Quốc còn đề xuất nhiều luận điểm và phát triển một cách sáng tạo lý luận về cách mạng thuộc địa của Lênin, làm phong phú lý luận Mác – Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc trong quỹ đạo cách mạng vô sản. Được sống, học tập tại trung tâm cách mạng thế giới, được làm việc tại Quốc tế Cộng sản, được đấu tranh và rèn luyện trong phong trào cộng sản quốc tế, nhận thức luận của Nguyễn Ái Quốc được nâng cao, uy tín chính trị của Nguyễn Ái Quốc được củng cố.

Không dừng lại ở đó, nhận thức được sứ mệnh của mình và hướng đến mục tiêu: Độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào, với tất cả tinh thần và nhiệt huyết của mình, Nguyễn Ái Quốc chọn con đường về gần Tổ quốc, xúc tiến một lộ trình cho công cuộc giải phóng dân tộc Việt Nam. Khi biết sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, hiện có nhiều thanh niên yêu nước Việt Nam đang có mặt ở Quảng Châu, họ yêu nước, nhưng chưa có tổ chức và thiếu một đường lối đúng đắn trong hoạt động, Nguyễn Ái Quốc đã chọn Quảng Châu làm điểm dừng chân trên hành trình tiến gần về Tổ quốc, để tổ chức, đoàn kết, huấn luyện những thanh niên đầy nhiệt huyết đó đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập.

Sau nhiều lần đề đạt, nguyện vọng của Nguyễn Ái Quốc được Quốc tế Cộng sản chấp nhận. Với tư cách là cán bộ Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, đồng thời là Ủy viên Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân, Nguyễn Ái Quốc được giao theo dõi và chỉ đạo phong trào cách mạng ở một số nước châu Á.

Cuối tháng 10/1924, Nguyễn Ái Quốc rời Mátxcova, đi xuyên Xibêri, nghỉ lại ở Vladivôxtốc, rồi xuống tàu Viễn Dương của Liên Xô đi Trung Quốc. Người đến Quảng Châu ngày 11/11/1924, xúc tiến việc chuẩn bị thành lập chính đảng vô sản kiểu mới cho giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

Để chuẩn bị về tổ chức và tiếp tục chuẩn bị về chính trị, tư tưởng cho sự ra đời của một Đảng Mác-xít ở Việt Nam, Người tiếp xúc với những người Việt Nam yêu nước đang hoạt động tại Quảng Châu. Đầu tiên là những thanh niên hăng hái nhất trong *Tâm Tâm xã*. Dần dần, Người mở rộng địa bàn hoạt động của mình. Những hoạt động bước đầu đã giúp Nguyễn Ái Quốc tìm được chỗ dựa, hình thành được nhóm trung kiên để triển khai công việc. Từ việc nắm rõ những đặc điểm, tình hình đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam được thể hiện rõ trong báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ, Nguyễn Ái Quốc đã khẩn trương, chủ động và cẩn trọng tiến hành xây dựng tổ chức cách mạng theo từng bước: tiếp xúc và tìm hiểu những người Việt Nam yêu nước đang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc, để lập ra nhóm bí mật làm hạt nhân .

Bước tiếp theo, Người tiến tới thành lập một tổ chức có tính chất quần chúng rộng hơn nhằm tập hợp những thanh niên yêu nước trong và ngoài nước. Đó là tổ chức *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* được thành lập 6/1925. Trong hội, tất cả các hội viên phải hoạt động trong quần chúng,

tuyệt đối giữ bí mật hoạt động của hội. Hội được tổ chức thành 5 cấp: Tổng bộ, kỳ bộ, tỉnh bộ, huyện bộ và chi bộ. Mục đích của hội là:

*“Hy sinh tính mệnh, quyền lợi, tư tưởng để làm cuộc cách mạng dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành lại được độc lập cho xứ sở) rồi sau làm cách mệnh thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản)”.*

Việc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là một sáng tạo, có chủ đích của Nguyễn Ái Quốc. Đây là một tổ chức quá độ, phù hợp với điều kiện của Việt Nam khi đó, nhằm đưa chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối và phương pháp đấu tranh cách mạng mới vào phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân ta. Thông qua những hội viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, thông qua phong trào vô sản hoá, luồng tư tưởng mới của thời đại đã xâm nhập vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước, làm thay đổi tính chất, chiều hướng của phong trào đấu tranh cách mạng, đưa đến sự thắng lợi của khuynh hướng vô sản. Thông qua những nội dung hoạt động của mình, hội đã thu hút đông đảo các lực lượng vào tổ chức cách mạng của mình, đồng thời có ảnh hưởng tích cực đến các tổ chức chính trị cùng thời khác.

Đã có một tổ chức, một điểm tựa, Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện chính trị để chuẩn bị xây dựng một đội ngũ cán bộ làm nòng cốt cho việc tuyên truyền những nguyên lý cơ bản của học thuyết Mác – Lênin về trong nước. Lớp học chính thức khai mạc cuối năm 1925 tại ngôi nhà số 13 và 13/1 (nay là nhà số 248 – 250), đường Văn Minh, Quảng Châu, Trung Quốc. Từ đầu năm 1926 đến tháng 4/1927, Nguyễn Ái Quốc đã mở được ba khóa huấn luyện cho khoảng 75 người. Người trực tiếp phụ trách và là giảng viên chính. Chương trình học tập bao gồm cả lý thuyết lẫn thực hành. Thông qua huấn luyện, các học viên được vũ trang những vấn đề sơ giản về chủ nghĩa

Mác – Lênin, về những nguyên tắc hoạt động bí mật và kỹ năng thực hành các công tác vận động quần chúng... Sau này, những bài giảng của Người được tập hợp, hoàn thiện trong cuốn *Đường Kách mệnh*. Tuyệt đại bộ phận học viên học xong đều trở về nước và về Xiêm hoạt động. Họ đã trở thành những người tuyên truyền, tổ chức các tổ chức cách mạng trong nước và Việt kiều ở Xiêm.

Với tầm nhìn chiến lược, với vị thế cán bộ của Ban Phương Đông, Nguyễn Ái Quốc lựa chọn những thanh niên Việt Nam có khả năng, gửi đi học Trường đại học Cộng sản của những người lao động Phương Đông ở Mátxcova (Trường đại học Phương Đông) và Trường quân sự Hoàng Phố ở Quảng Châu. Không chỉ dừng lại ở việc lựa chọn và cử những thanh niên đi đào tạo, Người còn muốn gửi những thiếu nhi độ tuổi từ 12-15 có mặt ở Quảng Châu, đang là “những thiếu nhi cộng sản đầu tiên của nước An Nam” sang Mátxcova để đào tạo, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán đáp ứng yêu cầu của cách mạng Việt Nam sau này.

Cùng với việc đào tạo đội ngũ cán bộ, Nguyễn Ái Quốc chủ trương xuất bản sách và báo chí làm phương tiện tuyên truyền. Báo Thanh niên, cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do Nguyễn Ái Quốc sáng lập và trực tiếp chỉ đạo, đồng thời là cây bút chủ chốt (số đầu tiên ra ngày 21/6/1925), có các chuyên mục: xã hội, bình luận, tin tức, diễn đàn, vấn đáp, phê bình, trả lời bạn đọc...). Những bài viết của báo Thanh niên đều ngắn gọn, lời văn giản dị, trong sáng, dễ hiểu, thường đề cập những vấn đề chính: đế quốc và thuộc địa; cách mạng và cải lương; thực tiễn của cách mạng Việt Nam; Đảng cách mạng và Đảng Cộng sản; cách mạng dân tộc và cách mạng thế giới; cách mạng và mặt trận dân tộc thống nhất; học tập lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin, v.v.. Thông qua báo Thanh niên, tổ chức Hội Việt Nam

Cách mạng Thanh niên đã thống nhất về phương hướng và nội dung tuyên truyền giáo dục ở trong và ngoài hội.

Báo Thanh niên ra hằng tuần, bằng tiếng Việt. Từ tháng 6/1925 đến tháng 4/1927, báo ra được 88 số. Là tờ báo đầu tiên trong lịch sử báo chí cách mạng nước ta, báo Thanh niên đã góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân Việt Nam.

Tiếp theo tờ Thanh niên, Nguyễn Ái Quốc cùng các bạn chiến đấu của mình còn xuất bản ba tờ báo định kỳ khác là: báo Công – nông (từ tháng 12/1926 đến đầu năm 1928), báo nguyệt san Lính cách mệnh (từ đầu năm 1927 đến đầu năm 1928) và Việt Nam tiền phong cho những đối tượng hẹp hơn.

Cùng với việc xuất bản báo, Nguyễn Ái Quốc dành thời gian cho cuốn Đường Kách mệnh. Cuốn sách gồm những bài giảng của Người tại các lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc) trong những năm 1925-1927 được tập hợp và hoàn thiện. Cuốn sách được Bộ Tuyên truyền của Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản vào đầu năm 1927 để làm tài liệu học tập và tuyên truyền.

Đường Kách mệnh đề cập nhiều nội dung, trong đó Nguyễn Ái Quốc tập trung nêu rõ chuẩn mực đạo đức của những chiến sĩ cách mạng; giới thiệu tính chất, nội dung các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới, như: Cách mạng Mỹ 1776, Cách mạng Pháp 1789, Cách mạng Nga 1917; giới thiệu về Quốc tế I, Quốc tế II, Quốc tế III, v.v.. Thông qua những nội dung này, Người

chỉ rõ tư tưởng cách mạng triệt để: Muốn sống thì phải làm cách mạng và muốn làm cách mạng thành công phải có Đảng lãnh đạo, có chủ nghĩa Mác – Lênin làm nòng cốt, phải có phương pháp cách mạng, phải gắn cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của phong trào cách mạng thế giới. Từ Đường Kách mệnh, Người khẳng định: cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp của toàn dân chứ không phải của một vài cá nhân, vì vậy đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân tộc là một trong những nhân tố quan trọng bảo đảm thắng lợi cho cách mạng Việt Nam... Phần cuối Đường Kách mệnh, Nguyễn Ái Quốc dành giới thiệu các tổ chức quần chúng của Quốc tế Cộng sản như Quốc tế Thanh niên, Quốc tế Công hội.

Đường Kách mệnh là một trong những tác phẩm quan trọng, đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, đồng thời là một trong những văn kiện lý luận đầu tiên của Đảng ta, đặt cơ sở tư tưởng cho đường lối của cách mạng Việt Nam sau này. Cùng với Đường Kách mệnh và báo Thanh niên, các tờ báo và nguyệt san bí mật được chuyển về Việt Nam, đã góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng và con đường giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập bộ tham mưu tiền phong của giai cấp công nhân Việt Nam.

Trong những năm tháng hoạt động cách mạng ở Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc thể hiện vai trò của người chiến sĩ cộng sản quốc tế. Người tham gia những hoạt động giúp đỡ phong trào cách mạng các nước trong khu vực, đặc biệt là phong trào cách mạng của Trung Quốc những năm 1925-1927. Người đã cùng với các đồng chí Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên, Miến Điện tích cực vận động thành lập một tổ chức cách mạng có tính chất quốc tế, Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức (9/7/1925), nhằm đoàn kết các dân tộc nhỏ yếu, bị áp bức trong một tổ chức cách mạng để giải phóng đất nước khỏi



ách thực dân, đưa các dân tộc bị nô lệ vào con đường đấu tranh giải phóng dân tộc.

Đối với phong trào cách mạng Trung Quốc, Người không chỉ bày tỏ thiện cảm, sự quan tâm và ủng hộ mà còn tham gia trực tiếp như một chiến sĩ quốc tế nồng nhiệt. Người tham gia Hội nghị đầu tiên của đại biểu nông dân Quảng Đông (tháng 5/1925) và Hội nghị lần thứ hai đại biểu giai cấp công nhân Trung Quốc; tham gia đội diễn thuyết, ủng hộ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Trung Quốc với bí danh Lý Thụy và Vương Đạt Nhân... Thông qua những hoạt động thực tiễn đó, Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện một cách sinh động tinh thần quốc tế vô sản cao cả.

Sau cuộc đảo chính phản cách mạng của Tưởng Giới Thạch (tháng 4/1927), những người cách mạng Việt Nam hoạt động trên đất Trung Quốc đã trở thành đối tượng của sự khủng bố. Không thể tiếp tục ở lại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc chuyển đến Hương Cảng, nhưng mật thám Anh lại yêu cầu Người phải rời Hương Cảng. Người đi tới Thượng Hải, nhưng tại đây, Quốc dân Đảng cũng đang tiến hành những đợt khủng bố gắt gao, vì vậy, Người quyết định rời Thượng Hải trên một chiếc tàu buôn đi Vladivôxtốc.

Tháng 5/1927, Nguyễn Ái Quốc trở lại Mátxcova sau gần ba năm xa cách, tiếp tục làm việc trong Quốc tế Cộng sản. Sau ít ngày nghỉ ngơi trên bãi biển Crum, Người quay trở lại Mátxcova. Người bắt tay viết cuốn sách nhỏ công tác quân sự của Đảng trong nông dân, đúc kết kinh nghiệm cao trào cách mạng và các Đảng cộng sản ở các nước nông nghiệp và nửa nông nghiệp, nêu tầm quan trọng của công tác tuyên truyền chính trị, tổ chức và quân sự trong nông dân, đặc biệt là công tác quân sự của Đảng trong nông dân, v.v.. Người cũng từ tìm hiểu, nghiên cứu và viết nhiều bài về Ấn Độ và

được công bố vào năm 1928 như: Phong trào công nhân ở Ấn Độ, Sự bóc lột phụ nữ và trẻ em Ấn Độ, v.v.. Đặc biệt, trong bài viết Sự thống trị của đế quốc Pháp ở Đông Dương đăng trên tập san Thư tín quốc tế, số 104, 1927, Nguyễn Ái Quốc đề cập bản chất sự kiện chính trị thời sự (xung đột Hoa – Việt ở Hải Phòng) của nước ta khi đó.

Trung tuần tháng 11/1927, Người được Quốc tế Cộng sản cử đi Pháp công tác. Đầu tháng 12/1927, từ Pháp, Người đi dự phiên họp mở rộng của Đại hội đồng Liên đoàn chống đế quốc tại Brúcxen (Bỉ). Sau khi mật thám Pháp phát hiện sự có mặt của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp, Người quyết định thay đổi hành trình. Bí mật quay trở lại Đức vào trung tuần tháng 12/1927, và ở đây Người nhận làm phóng viên cho tờ báo Thế giới (Die Welt). Không lâu sau, theo nguyện vọng của Người, Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản ra quyết định đồng ý để Nguyễn Ái Quốc trở về hoạt động ở Đông Dương (25/4/1928). Ngày 21/5/1928, từ Béclin Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi các đồng chí trong Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản, báo tin về việc chuẩn bị lên đường và những việc đã làm.

Đầu tháng 6/1928, Nguyễn Ái Quốc rời Béclin, bắt đầu cuộc hành trình để về gần Tổ quốc. Từ Đức, Người qua Thụy Sĩ đến Italia. Tại biên giới Thụy Sĩ – Italia, mặc dù bị cảnh sát gây khó dễ nhưng Người cũng vượt qua được và đi Milan, rồi từ Rôma, Người đến Napôli, đón tàu thủy Nhật Bản đi Xiêm.

Từ tháng 7/1928 đến tháng 11/1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Xiêm, xây dựng lực lượng cách mạng trong Việt kiều yêu nước. Đầu tiên, Người tới Băng Cốc, từ đó, đi Bản Đôn (huyện Phì Chịt, tỉnh Phítxanuloốc). Để giữ bí mật, Người dùng một số bí danh như Thọ, Nam Sơn, Thầu Chín... Cuối tháng 7/1928, Nguyễn Ái Quốc rời Phì Chịt đến vùng Đông Bắc Xiêm như Udon Thani, Xa Vang, Na Khôn Pha Nôm, Noọng Khai..., để xây dựng cơ

sở, từ đó tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin và phong trào đấu tranh cách mạng, gây ảnh hưởng về trong nước.

Từ một thực tế Việt kiều sinh sống ở Xiêm phần nhiều là nông dân, thợ thủ công và những người buôn bán nhỏ, cho nên, trong thời gian ở đây, Người tiếp tục các hình thức hoạt động như ở Quảng Châu. Người hoà mình với đông đảo quần chúng, sống đời sống của quần chúng, làm những việc cùng với quần chúng, phát hành báo chí, mở lớp đào tạo ngắn hạn cho hội viên của chi hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, nắm tình hình trong nước và Quốc tế Cộng sản, dịch một sách Mác-xít phổ thông sang tiếng Việt (Nhân loại tiến hoá sử, A.B.C chủ nghĩa cộng sản, v.v..). Với sự hoạt động tích cực của Người, phong trào yêu nước của Việt kiều ở Xiêm đã có nhiều chuyển biến mới, tích cực. Các tổ chức cách mạng được củng cố và phát triển. Sự đoàn kết trong nội bộ Việt kiều, mối quan hệ thân thiện giữa Việt kiều và người Xiêm được tăng cường. Những hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc trong Việt kiều đã có ảnh hưởng tốt về trong nước.

Cũng trong khoảng thời gian từ tháng 7/1928 đến tháng 11/1929, Nguyễn Ái Quốc, lúc đó với tên gọi Thầu Chín từ Xiêm vượt sông Mê Kông ít nhất hai lần sang thị xã Xavănnakhet và bản Xiêng Vang, huyện Noọng Bốc, tỉnh Khăm Muộn của Lào để nghiên cứu tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của nhân dân Lào, của bà con Việt kiều và khảo sát thực địa để tìm đường bí mật qua Lào về hoạt động tại Việt Nam . Sau này, trong báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản ngày 18/2/1930, Người đã báo cáo về tình hình Lào và việc định trở về Việt Nam không thành:

*“Đã hai lần tôi cố gắng về An Nam, nhưng phải quay trở lại. Bọn mật thám và cảnh sát ở biên giới quá cẩn mật, đặc biệt là từ khi xảy ra vụ An Nam Quốc dân Đảng”.*

Trong những năm 1928-1929, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta tiếp tục phát triển mạnh về số lượng và chất lượng. Chủ nghĩa Mác – Lênin được Nguyễn Ái Quốc và những chiến sĩ tiên phong truyền bá về trong nước, cùng với phong trào “Vô sản hoá” đã làm chuyển biến phong trào công nhân từ hình thức đấu tranh tự phát, đơn lẻ, chủ yếu đòi quyền lợi về kinh tế sang đấu tranh tự giác, có tổ chức, có lãnh đạo, có sự phối hợp giữa các ngành và các địa phương. Sự phát triển cả bề sâu và bề rộng của phong trào cách mạng trong cả nước đã đặt ra một yêu cầu bức thiết, đòi hỏi sự lãnh đạo của một chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân. Trong bối cảnh đó, những phần tử tiên phong trong phong trào cách mạng đã nhận thức được tình hình, và đứng ra thành lập những tổ chức cộng sản đầu tiên vào nửa cuối năm 1929 đầu năm 1930.

Ngày 17/6/1929, tại nhà số 312 phố Khâm Thiên, Hà Nội, Hội nghị các đại biểu tiên tiến trong tổ chức Thanh niên Bắc Kỳ đã họp, quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng, ra Chính cương, Tuyên ngôn, nêu rõ đường lối của Đảng là phải làm cách mạng dân chủ tư sản do giai cấp vô sản lãnh đạo, tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hành công – nông liên hiệp. Sự ra đời của Đông Dương Cộng sản Đảng đã thúc đẩy phong trào cộng sản ở trong nước phát triển mạnh.

Tiếp đến An Nam Cộng sản Đảng đã ra đời (tháng 8/1929) và đến tháng 10/1929, An Nam Cộng sản Đảng đã họp tại Sài Gòn, cử ra Ban lâm thời chỉ đạo của Đảng và ra Điều lệ.

Trong quá trình chuyển hoá chung dưới tác động của luồng gió cách mạng của thời đại theo chủ nghĩa Mác – Lênin, trực tiếp là tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc, phong trào công nhân, nhất là của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Việt Nam nghĩa đoàn – một tổ chức yêu nước tiến bộ

theo khuynh hướng quốc gia, đã trải qua nhiều biến thiên và cải tổ, thay đổi tên nhiều lần: Việt Nam nghĩa đoàn đổi tên thành Hội Phục Việt rồi đến Hưng Nam và Việt Nam cách mạng Đảng, đến tháng 7-1928 gọi là Tân Việt cách mạng Đảng. Từ khi tổ chức này tiếp cận và tiếp nhận sự giáo dục chính trị của Thanh niên đã bắt đầu khuynh hướng tả, càng về sau càng chuyển biến mạnh mẽ. Sau các hội nghị của Đảng viên cốt cán, tháng 9/1929 những đảng viên ưu tú trong Đảng Tân Việt ra tuyên bố thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Như vậy, trong nước đã xuất hiện ba tổ chức cộng sản, đều ra Tuyên ngôn, Chính cương và Điều lệ, đều khẳng định mục tiêu đấu tranh cho lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản, đều tuyên bố đi theo chủ nghĩa cộng sản, đều muốn được Quốc tế Cộng sản công nhận. Sự tồn tại ba tổ chức cộng sản biệt lập, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau trong một đất nước, đã dẫn đến nguy cơ chia rẽ, phân liệt của phong trào đấu tranh cách mạng. Yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam lúc này là phải chấm dứt tình trạng chia rẽ giữa các tổ chức cộng sản, thống nhất các tổ chức đó thành một đảng cộng sản duy nhất trong cả nước. Nhận thức sâu sắc về nguy cơ phân liệt sẽ gây bất lợi cho sự phát triển của phong trào cách mạng ở Việt Nam, ngày 27/10/1929, Quốc tế Cộng sản đã ra chỉ thị, nêu rõ:

*“Nhiệm vụ quan trọng nhất và cấp bách nhất của tất cả những người cộng sản Đông Dương là thành lập một Đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, nghĩa là một Đảng cộng sản có tính chất quần chúng ở Đông Dương. Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương”.*

Lúc này, Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Xiêm, không biết tới nội dung bản chỉ thị ngày 27/10/1929 của Quốc tế Cộng sản, tuy nhiên, nhận

thức được tầm quan trọng nguy cơ phân liệt, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, Người gấp rút đi Hồng Kông, gửi thư về nước mời đại diện của các tổ chức cộng sản sang Hồng Kông bàn việc hợp nhất các tổ chức cộng sản. Với quyết định chủ động và kịp thời này, cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm. Ngày 23/12, Người đến Trung Quốc, gặp gỡ những chiến sĩ cách mạng Việt Nam đang hoạt động ở đây để tìm hiểu thêm tình hình. Sau đó, Người đi Hồng Kông, chuẩn bị công việc cho hội nghị hợp nhất.

Tại Cửu Long, Hồng Kông, từ ngày 6/1/1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã được tiến hành dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc. Tham dự hội nghị có các đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng là Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh; An Nam Cộng sản Đảng là Nguyễn Thiệu và Châu Văn Liêm. Đông Dương Cộng sản liên đoàn đã thành lập, song chưa có liên hệ, nên chưa cử được đại biểu tới dự. Tham gia giúp việc hội nghị là Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn. Hội nghị hợp nhất diễn ra khẩn trương, thuận lợi và đạt được sự nhất trí hoàn toàn, trên cơ sở bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Chương trình tóm tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc dự thảo. Các văn kiện này trở thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Chính cương vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam vạch rõ tính chất, nhiệm vụ, đối tượng của cách mạng Việt Nam, trong đó xác định rõ chủ trương của những người cộng sản là làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Nhiệm vụ của cuộc cách mạng lúc này là đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập; dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền;

phổ thông giáo dục theo công nông hoá; quốc hữu hoá tất cả các xí nghiệp của tư bản đế quốc; dựng ra chính phủ công – nông binh; tổ chức ra quân đội công nông; thủ tiêu hết các thứ quốc trái; thi hành luật ngày làm 8 giờ, v.v..

Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông để kéo họ đi về phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ. Đồng thời Sách lược vẫn tắt nhấn mạnh nguyên tắc hợp tác giai cấp của Đảng là: khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng bộ một chút lợi ích gì của công – nông mà đi vào đường lối thoả hiệp. Đảng phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp.

Chương trình tóm tắt của Đảng nêu rõ Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản, có nhiệm vụ “tập hợp đa số quần chúng nông dân, chuẩn bị cách mạng thổ địa và lật đổ bọn địa chủ và phong kiến”; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức và trung nông về phía giai cấp vô sản; liên kết những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới, v.v..

Điều lệ tắt của Đảng nêu rõ tôn chỉ, mục đích của Đảng là lãnh đạo quần chúng đấu tranh để “tiểu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa thực hiện xã hội cộng sản” ; quy định thể thức gia nhập Đảng; hệ thống tổ chức; trách nhiệm của đảng viên; quyền lợi đảng viên; các cấp đảng chấp hành uỷ viên; kinh phí; kỷ luật của Đảng.

Hội nghị hợp nhất cũng đã thảo luận và quyết định các phương châm và kế hoạch tiến hành hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước, về cách cử

ra một Ban Trung ương lâm thời. Trong ngày làm việc cuối cùng, hội nghị đã quyết nghị về việc xuất bản một tạp chí lý luận và ba tờ báo để tuyên truyền.

Sau hội nghị, Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam, viết Lời kêu gọi gửi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh và tất cả đồng bào bị áp bức, bóc lột phải đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến và giai cấp tư sản phản cách mạng để giành được độc lập; thành lập Chính phủ công – nông binh và tịch thu tất cả các nhà hàng, cơ sở sản xuất của đế quốc trao cho chính phủ; tiến tới quốc hữu hoá toàn bộ đồn điền và đất đai của đế quốc và địa chủ phản cách mạng chia cho nông dân nghèo; thực hiện ngày làm 8 giờ, v.v.. Lời kêu gọi là một trong những văn kiện quan trọng của hội nghị hợp nhất. Nó xác định rõ đường lối, mục tiêu, phương châm của cách mạng Việt Nam trước mắt và lâu dài, đó là: “Làm cho nước An Nam được độc lập. Thành lập Chính phủ công – nông -binh”. Ngày 8/2/1930, các đại biểu dự hội nghị thành lập Đảng đã về nước. Sau đó, ngày 24/2/1930, một hội nghị quan trọng được tổ chức tại Sài Gòn để xem xét yêu cầu gia nhập Đảng Cộng sản của Đông Dương Cộng sản liên đoàn và nhất trí công nhận Đông Dương Cộng sản liên đoàn được gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã thống nhất trong một đảng duy nhất – Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã hoàn thành trọn vẹn nhiệm vụ lịch sử trọng đại của mình. Thành công của hội nghị và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi, trí tuệ, uy tín và đạo đức cách mạng, tính chủ động, sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc. Với uy tín và trí tuệ của mình, Nguyễn Ái Quốc đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử, trở thành Người sáng lập Đảng – Đảng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.



Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam thành công tốt đẹp, có giá trị như một đại hội thành lập Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam, mở đầu một thời kỳ mới trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân cả nước: thời kỳ giai cấp công nhân và Đảng tiên phong của nó đứng ở vị trí trung tâm, lãnh đạo phong trào cách mạng. Đường lối đúng đắn của Đảng được thông qua tại Hội nghị hợp nhất đã quyết định nội dung, phương pháp, bước đi của cách mạng Việt Nam, đưa nhân dân Việt Nam bước vào cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, cùng các dân tộc bị áp bức, đấu tranh giải phóng dân tộc, xóa bỏ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, góp phần giải phóng loài người khỏi bóc lột và bất công.

Việc tổ chức thành công Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, và việc soạn thảo cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện sự sáng tạo của mình trong cả hoạt động lý luận và thực tiễn. Đánh giá về sự kiện trọng đại này trong lịch sử cách mạng Việt Nam hiện đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết:

*“Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản nước ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng”.*



Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương đạo đức của một vĩ nhân, nhưng đồng thời cũng là tấm gương đạo đức của một con người chân chính, bình thường, ai cũng có thể học theo, làm theo để trở thành một người lãnh đạo tốt, một cán bộ tốt, một đảng viên tốt, một người công dân tốt. Cố thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng nói: *“Hồ Chí Minh cao mà không xa, mới mà không lạ, to lớn mà không làm ra vĩ đại, soi sáng mà không chói ngợp, mới gặp lần đầu mà như thân thuộc từ lâu”*. Vì vậy, *“Học Hồ Chủ tịch thực ra dễ lắm, vì những điều Hồ Chủ tịch dạy chúng ta đã có sẵn trong tâm hồn, trong trí óc. Chúng ta hãy phản tỉnh lại thì thấy trong đáy lòng, trong ký ức, câu trung với nước, hiếu với dân, đoàn kết phấn đấu, cần, kiệm, liêm, chính chúng ta đã học từ thời cha ông. Chúng ta hãy hồi tỉnh lại, chúng ta sẽ thấy hiểu Hồ Chủ tịch hơn nhiều và làm những điều Hồ Chủ tịch*

*dạy sẽ không còn khó nữa”* (Phạm Văn Đồng – Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc – tháng 8/1948).

Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cần phải xuất phát từ “chữ tâm”. Điều đó trước hết là xuất phát từ tấm lòng yêu kính Bác, một con người đã hy sinh cả cuộc đời mình cho đất nước, cho nhân dân, cho chính chúng ta. Mặc khác, mục đích của việc học tập và làm theo tư tưởng và tấm gương đạo đức của Bác còn vì mục đích là để làm người, để xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, toàn tâm, toàn ý phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là một cuộc vận động lớn vừa có ý nghĩa lâu dài trong đời sống văn hoá của dân tộc, vừa có ý nghĩa thiết thực đáp ứng yêu cầu cấp bách hiện nay là phải chặn đứng và xoá bỏ sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong xã hội, trước hết trong không ít cán bộ, đảng viên. Thực chất cuộc vận động là tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, như căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Di chúc: *“Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”*.

Vì vậy, học tập và rèn luyện theo gương Bác không phải chỉ ở những thử thách lớn lao, những công việc trọng đại sống còn... (mặc dù đây là nội dung chủ chốt nhất) mà còn ngay trong những hoạt động, sinh hoạt nhỏ nhặt đời thường nhất như Bác thường dạy chúng ta: *“muốn đi xa, trước hết phải đặt chân từ trong nhà”*. Chính vì vậy, học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người, mỗi chúng ta dù ở chức danh, địa vị nào xin hãy chú ý nghĩ đến những gì to tát, cao xa mà trước hết hãy bắt đầu ngay từ những gì nhỏ bé nhất, đời thường nhất, như những câu chuyện nhỏ về việc tuân thủ kỷ luật của Bác.

Sinh thời, Bác Hồ rất quan tâm đến việc tăng cường quản lý, giữ nghiêm kỷ luật, ghép mình vào tổ chức đối với cán bộ đảng viên. Người kết luận: *“Tất cả cán bộ, đảng viên phải giữ tính kỷ luật, tính tổ chức. Nhớ rằng không có việc gì làm ngoài tổ chức, ngoài kỷ luật mà thành công”*. Người cũng rất kiên quyết với những cán bộ, đảng viên mắc bệnh kiêu ngạo, công thần, tự cao, tự đại mà không sửa chữa. Nếu không tăng cường giáo dục và kỷ luật, không đấu tranh chống tư tưởng tự do vô tổ chức, vô kỷ luật thì một số cán bộ, đảng viên dần dần sẽ mất cả tư cách và đạo đức người cách mạng, sa vào tham ô, hủ bại, tự cho mình có đặc quyền, đặc lợi và biến thành người có tội với Đảng, với Chính phủ, với nhân dân.

Câu chuyện thứ nhất, trong quyển *Bác Hồ với chiến sĩ – tập 1* (Nhà xuất bản Quân đội nhân dân), tác giả Nguyễn Dung đã kể: Đầu năm 1946, cả nước ta tiến hành cuộc tổng tuyển cử bầu quốc hội đầu tiên. Gần đến ngày bầu cử, tại Hà Nội là nơi Bác Hồ ra ứng cử có 118 vị Chủ tịch Ủy ban nhân dân và đại biểu các giới hàng xã, đã công bố một bản đề nghị: *“Yêu cầu Cụ Hồ Chí Minh không phải ứng cử trong cuộc tổng tuyển cử sắp tới. Chúng tôi suy tôn và ủng hộ vĩnh viễn Cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”*. Từ nhiều nơi trong cả nước đồng bào viết thư đề nghị Bác không cần ra ứng cử ở một tỉnh nào, nhân dân cả nước đồng thanh nhất trí cử Bác vào quốc hội. Trước tình cảm tin yêu đó của nhân dân, Bác viết một bức thư ngắn cảm tạ đồng bào và đề nghị đồng bào để Bác thực hiện quyền công dân của mình: *“Tôi là công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nên tôi không thể vượt khỏi thể lệ của tổng tuyển cử đã định, tôi đã ra ứng cử ở Hà Nội nên tôi không thể ra ứng cử ở nơi nào nữa. Xin cảm tạ đồng bào đã có lòng yêu tôi và yêu cầu toàn thể đồng bào hãy làm tròn nhiệm vụ người công dân trong cuộc tổng tuyển cử sắp tới”*.

Câu chuyện thứ hai được tác giả Phan Văn Xoãn, Hoàng Hậu Kháng và Hoàng Nam đã kể lại trong quyển *Những năm tháng bên Bác* (do nhà xuất bản Công an nhân dân xuất bản năm 1995): Sau ngày hoà bình lập lại, có lần Bác đi thăm một ngôi chùa cổ. Hôm ấy là ngày lễ, các vị sư, khách nước ngoài và nhân dân đi lễ rất đông. Bác vừa vào chùa vị sư cả liền ra đón Bác và khẩn khoản xin Người đừng cởi dép nhưng Bác không đồng ý. Đến thềm chùa Bác dừng lại để dép ở ngoài như mọi người xong mới bước vào và giữ đúng mọi nghi thức như người dân đến lễ. Trên đường từ chùa về, khi vào đến thành phố xe Bác đến một ngã tư thì vừa lúc đèn đỏ bật. Sợ phố đông xe dừng lâu, đồng chí bảo vệ định chạy lại đề nghị đồng chí công an bật đèn xanh để Bác đi. Bác hiểu ý ngăn lại: *“Các chú không được làm thế phải tôn trọng và gương mẫu chấp hành luật lệ giao thông, không được bắt luật pháp dành quyền ưu tiên riêng cho mình”*.

Qua những việc làm hết sức đơn giản, đời thường ấy, Bác dạy chúng ta một bài học sâu sắc về cách sống, cách làm người giữa xã hội với nhiều mối quan hệ rất đa dạng và nhất là bài học về sự gương mẫu chấp hành qui tắc, luật lệ chung với “chữ tâm” của mình.

Nói xuất phát từ “chữ tâm” khi học tập và làm theo Bác còn bởi vì tu dưỡng và rèn luyện đạo đức cách mạng luôn phải đối đầu với kẻ địch nguy hiểm của đạo đức cách mạng là chủ nghĩa cá nhân. Theo Bác, vì chủ nghĩa cá nhân mà nhiều người mắc bệnh tự phụ, tự cao tự đại... cho mình đã là người tốt rồi, tài giỏi hơn người rồi, tự cho mình là “cách mạng già”, “cách mạng cũ”, hoặc “biết mình có khuyết điểm nhưng không chịu sửa”, hoặc chỉ chú trọng về hình thức, nặng về phong trào thuần túy... thì khó có thể học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh có hiệu quả. Hãy xuất phát từ “chữ tâm” để thật sự khiêm tốn đánh giá lại mình, lắng nghe lời phê bình chân thành của đồng chí, đồng nghiệp, bạn bè, của nhân dân... để sửa mình

và ghép mình vào tổ chức, tuân thủ kỷ luật triệt để hoàn thiện mình..., đó là một cách học tập có chất lượng bài học đạo đức Hồ Chí Minh.

Tư tưởng “phụng công thủ pháp” là nguyên tắc hoạt động mà người cán bộ, công chức, viên chức nhà nước phải ghi nhớ và thực hành triệt để, góp phần vào việc giữ vững kỷ cương của đơn vị...; không nên quá coi trọng “cái tôi” mà nhiều lúc sống theo suy nghĩ chủ quan, vi phạm các nguyên tắc chung của xã hội, của tổ chức và cần nghiêm túc khắc phục, sửa chữa, xứng đáng hơn nữa với tấm gương của Bác từ những việc làm thiết thực hàng ngày như Bác từng dừng lại vài chục giây trước đèn giao thông hay tự giác cởi dép khi vào chùa... Nếu xuất phát từ “chữ tâm” thì việc tuân thủ một cách nghiêm túc luật lệ, kỷ luật, kỷ cương sẽ trở thành một thói quen bình dị, tự nhiên, không khiên cưỡng... từ những hành động nhỏ như đeo thẻ viên chức, thẻ học viên, đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy hoặc vào cổng xuống xe khi đến cơ quan theo qui định...; đến việc chấp hành nghị quyết của tổ chức, chỉ thị, kết luận của lãnh đạo... Từ đó, việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cũng sẽ trở thành một việc tự giác và thiết thực nhất, đáp ứng yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách của Đảng ta, Nhà nước ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung cũng như từng bước xây dựng và nâng cao trình độ văn hóa cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nói riêng.



**Câu 2:** *Hãy tường thuật sự kiện hoặc kể lại câu chuyện có thật mà bạn tâm đắc nhất trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng tỉnh Đồng Nai.*

**Bài làm:**



Xuân Lộc là một thị xã của tỉnh Long Khánh (thị xã Long Khánh, Đồng Nai hiện nay), rộng khoảng 2,5 km. Đây là địa bàn án ngữ những trục giao thông quan trọng như: Quốc lộ số 1, quốc lộ 20, quốc lộ 15, rất thuận lợi cho quân ta cơ động lực lượng tiến thẳng vào nội đô Sài Gòn. Xuân Lộc - Long Khánh có tầm quan trọng về địa lý, quân sự, nhằm bảo vệ Sài Gòn từ hướng đông.

Để biến Xuân Lộc thành "*cánh cửa thép*", địch đã tập trung ở đây một sư đoàn bộ binh, một liên đoàn biệt động quân, một thiết đoàn xe tăng - thiết giáp, 4 tiểu đoàn pháo binh và lực lượng được tổng trừ sẵn sàng ứng trợ đặc biệt.

Chính Tham mưu trưởng Lục quân Mỹ, Đại tướng Frederick C. Weyand, đã trực tiếp lên Xuân Lộc thị sát và nhấn mạnh: "*Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn*".

Đánh giá đúng tầm quan trọng của cửa ngõ Xuân Lộc, ngày 2/4/1975, quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Bộ Tư lệnh Miền đã quyết địch mở cuộc tiến công giải phóng Xuân Lộc, nhằm tiêu diệt sư đoàn 18 ở vòng ngoài, phá âm mưu phòng ngự từ xa, phá thế phòng ngự củng cố Sài Gòn của địch, chia cắt giao thông, cô lập Sài Gòn. Nhiệm vụ tiến công Xuân Lộc được giao cho Quân đoàn 4. Đồng chí Hoàng Cầm được giao trọng trách làm Tư lệnh chiến dịch.

5 giờ 40 phút ngày 9/4, Quân đoàn 4 nổ súng tấn công Xuân Lộc. Các trận địa pháo của Quân đoàn, sư đoàn lần lượt nhả đạn. Một giờ sau, bộ binh bắt đầu xung phong. Trong ngày chiến đấu đầu tiên, quân ta đã chiếm được một phần hai thị xã, toàn bộ khu hành chính tiểu khu.

Những ngày sau đó, chiến sự ở Xuân Lộc - Long Khánh diễn ra ngày càng thêm ác liệt và đã gây tổn thất lớn cho cả ta và địch. Quyết tử thủ Xuân Lộc, ngày 12/4, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn quyết định tăng cường lực lượng, vũ khí và phương tiện chiến tranh cho Xuân Lộc.



Chỉ sau thời gian ngắn, lực lượng địch ở Xuân Lộc – Long Khánh đã gia tăng đột biến: Chiếm 50% bộ binh, 60% pháo binh, hầu hết số lượng xe tăng – thiết giáp của Quân đoàn 3 và lực lượng tổng dự bị chiến lược của quân đội Sài Gòn.

Trước tình hình khó khăn, ta đã nghiên cứu diễn biến trận đánh, quyết định tổ chức lại lực lượng, thay đổi cách đánh từ tiến công trực tiếp chuyển sang thế trận bao vây, cô lập nhằm làm suy yếu lực lượng địch trong thị xã; tiêu diệt các lực lượng tiếp viện của địch mới được điều đến còn đứng chân chưa vững ở vòng ngoài.

Ta tổ chức đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, Núi Thị, cắt quốc lộ 1 và chặn đánh quân tiếp viện từ Biên Hòa, Trảng Bom, cắt rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa. Rạng sáng 15/4, quân ta bắt đầu bắn phá sân bay Biên Hòa. Ở khu vực Xuân Lộc, Sư đoàn 7 và Sư đoàn 341 liên tục quần nhau với địch, đánh tan hai chiến đoàn còn lại (43 và 48) của Sư đoàn 18 và diệt một bộ phận quân dù.

Thấy không thể bảo vệ được Xuân Lộc, ngày 20/4, địch rút chạy, bị quân ta truy kích tiêu diệt. Ngày 21/4, thị xã Xuân Lộc và toàn bộ tỉnh Long Khánh được giải phóng. Kết thúc chiến dịch Xuân Lộc, quân ta đã đánh thiệt hại nặng sư đoàn 18, lữ đoàn dù 1, tiêu diệt chiến đoàn 52 (sư đoàn 18), đánh thiệt hại trung đoàn 5 và lữ đoàn 3 thiết giáp, diệt và bắt hàng nghìn tên địch, thu hàng chục ô tô và hàng nghìn súng các loại, phá hủy 42 xe tăng, xe thiết giáp.

Việc chọn địa bàn và thời điểm mở chiến dịch tiến công Xuân Lộc – Long Khánh là hoàn toàn đúng đắn, cần thiết và rất kịp thời trong thời điểm lịch sử chuyển biến hết sức mau lẹ của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Chiến dịch tiến công thắng lợi đã đập tan “*cánh cửa thép*” án ngữ cửa ngõ phía đông Sài Gòn, làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch quanh Sài Gòn, làm suy sụp nhanh thêm tinh thần chiến đấu của quân ngụy còn lại trên toàn miền Nam.

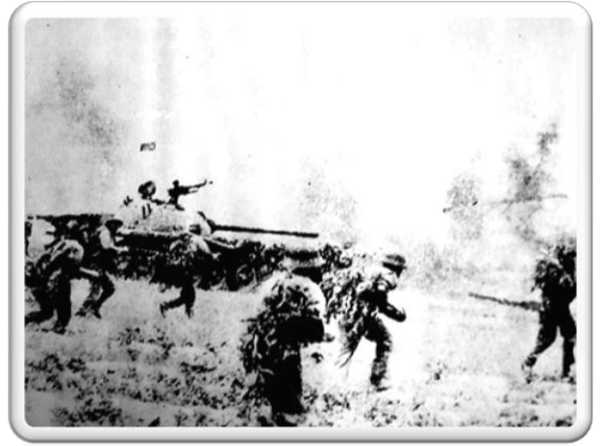
Xuân Lộc – Long Khánh được giải phóng, kế hoạch quân sự của Mỹ - Ngụy bị đảo lộn, theo đó âm mưu chính trị cũng tan vỡ theo. Thắng lợi của chiến dịch đã tạo ra một địa bàn tập kết thuận lợi, làm bàn đạp xuất phát tiến công của Cánh quân hướng Đông – một trong 5 mũi chủ lực cơ động của đội hình chiến dịch mang tên Bác Hồ kính yêu tiến vào giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Sau khi “*cánh cửa thép*” Xuân Lộc tan rã, một loạt sự kiện liên quan đã liên tiếp diễn ra. Ngay tối ngày Xuân Lộc được giải phóng, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức và hai ngày sau đó thì trốn chạy khỏi Sài Gòn. Bên kia bờ đại dương, ngày 23/4/1975, Tổng thống Mỹ Gerald Ford tuyên bố “*Cuộc chiến tại Việt Nam đã chấm dứt đối với người Mỹ*”.

Mặt trận hướng Đông được khai thông, các cánh quân rầm rập tiến về Sài Gòn với khí thế không gì lay chuyển nổi. “*Cánh cửa thép*” Xuân Lộc bị phá đã mở toang cánh cửa cho đại quân ta mở Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, tiến vào giải phóng Sài Gòn, xông thẳng vào sào huyệt cuối cùng của chế độ Mỹ - Ngụy, góp phần vào thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc thắng lợi sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước oanh liệt của dân tộc Việt Nam.

Từ Chiến thắng Xuân Lộc đã rút ra nhiều bài học giá trị. Đó là cách quán triệt ý đồ chiến lược của Trung ương Đảng, hạ quyết tâm kịp thời, chính xác; biết tổ chức và sử dụng lực lượng tại chỗ, phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân; trong chỉ đạo, chỉ huy kịp thời, nhạy bén, linh hoạt; phát huy thế tiến công chiến lược, chớp thời cơ giành thắng lợi.

Chiến thắng Xuân Lộc là một trong những điểm nhấn của mùa Xuân toàn thắng 1975. Bài học rút ra từ cuộc chiến năm xưa vẫn nguyên giá trị để nghiên cứu, vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.



✎ *Tài liệu tham khảo:*

<https://vi.wikipedia.org/wiki/Ho-Chi-Minh>

<http://www.doisongphapluat.com/xa-hoi/toan-van-di-chuc-cua-chu-tich-ho-chi-minh-cong-bo-nam-1969>

Sách “Hồ Chí Minh tiểu sử” – Bảo tàng Hồ Chí Minh

Sách “Phương pháp giải nhân Lịch sử trọng tâm” – Nguyễn Thị Côi

Sách “Lịch sử địa phương tỉnh Đồng Nai” – Phan Sỹ Anh, Dương Thị Kim Liên